

KHÔNG NÊN QUÊN THÀNH TỰU TIỀN TỆ ĐÁNG KHÂM PHỤC

Ngọc Vũ

Có một thành tựu tiền tệ được thế giới đánh giá là đáng kinh ngạc, đáng khâm phục⁽¹⁾ lại bị bỏ quên trong khi giảng dạy về tài chính- tiền tệ ở một số trường đại học. Cách bỏ quên có nhiều vẻ: có cuốn giáo trình thống kê tình hình tiền tệ thời kỳ 1980-1988 nhưng lại phân tích gộp thời kỳ lạm phát gần một con số 1980-1984 với thời kỳ lạm phát phi mã 1985-1988 nên không thể giảng cho sinh viên lạm phát phi mã bắt đầu từ đâu và giải pháp kết thúc tuyệt diệu lạm phát phi mã vì sao được thế giới ca ngợi như vậy. Có cuốn khác lại chẳng nhận ra năm 1989 tỷ lệ lạm phát tụt từ 500% - 600% xuống 34,6% điều đó biểu lộ cho sự thiếu ham mê những con số đặc biệt nên dẫn đến tình trạng học quy luật lưu thông tiền tệ mà không biết trường hợp vi phạm quy luật này đã đưa đến hậu quả lạm phát phi mã ra sao. Rồi khi chấm dứt được lạm phát phi mã thì các biện pháp đó đã phù hợp quy luật này như thế nào.

Vì vậy cần phải nói kỹ về lịch sử tiền tệ của Việt Nam nhất là trong thời kỳ mà thành tựu tiền tệ đó mở đường cho nước ta chiếm ngay vị trí thứ ba về xuất khẩu gạo. Lạm phát phi mã 1985-1988 nổ ra khi cuộc đổi tiền tháng 9-1985 xảy ra và sai lầm bắt nguồn từ quan điểm sai quy luật là phải phát hành tiền gấp 10 lần khi giá tăng 10 lần. Quý VI năm 1985, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải vét sạch kho phát hành để đưa tiền ra lưu thông gấp 10 lần. Giám đốc ngân hàng nào thời đó cũng mừng vì không phải khát chi tiền mặt đối với khách hàng đến rút tiền gửi, vì cần bao nhiêu tiền rút về bấy nhiêu. Nhưng chỉ sang quý I năm 1986 thì thời kỳ thần tiền đó chấm dứt do kho phát hành đã trống rỗng. Khất chi tiền mặt càng nặng nề hơn.

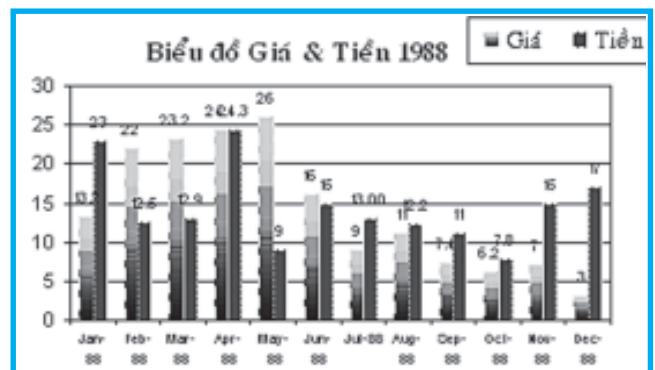
Năm 1986, theo số liệu đã tập hợp được về lượng tiền và hàng hóa lưu thông từ năm 1976 đến 1984, rút ra được một nhận xét cực mới, đó là suốt từ năm 1976 tới 1985 khối tiền mặt lưu thông bằng 15% - 20% lượng hàng hóa và dịch vụ đưa ra lưu thông; trong khi đó từ năm 1986 nó chỉ còn khoảng 7%. Vậy là thiếu tiền cho lưu thông, nhưng vẫn xảy ra lạm phát phi mã vì tốc độ lưu thông tiền tệ (V) đã tăng mạnh do tâm lý muốn đẩy đồng tiền lạm phát đi khi cầm tiền chưa nóng tay.

Thực hiện nghị quyết của TW Đảng, hoạt động ngân hàng chuyển sang kinh doanh, tách các ngân

hàng thương mại quốc doanh (NHTMQD) ra khỏi Ngân hàng Nhà nước từ tháng 7/1988, chấm dứt được việc bao cấp toàn bộ nguồn vốn cho các NHTMQD. Chỉ riêng việc xóa bao cấp vốn, buộc các NHTMQD muốn cho vay thêm bao nhiêu phải tự huy động vốn lấy, tháng 7/1988 đã chuyển hẳn lạm phát phi mã từ giai đoạn hai: **giá tăng nhanh hơn tiền** sang giai đoạn một: **giá tăng chậm hơn tiền** theo đúng lý luận Mác-Lênin về tiền tệ mà không một cuốn sách kinh tế học tư bản chủ nghĩa nào đưa vào phần tiền tệ. Việc này đã đưa lại thành tựu đầu tiên về chống lạm phát phi mã là chỉ số giá cả 6 tháng cuối năm chỉ còn 7,27% so với 20,8%, 6 tháng đầu năm⁽²⁾ như biểu đồ sau đây:

Trong 6 tháng đầu năm có 5 tháng giá tăng nhanh hơn tiền và có đến 3 tháng (2-3-5) giá tăng gấp đôi

Biểu đồ 1. Tình hình khắc phục lạm phát phi mã năm 1988



tiền; sang 6 tháng cuối năm giá tăng chậm hơn tiền.

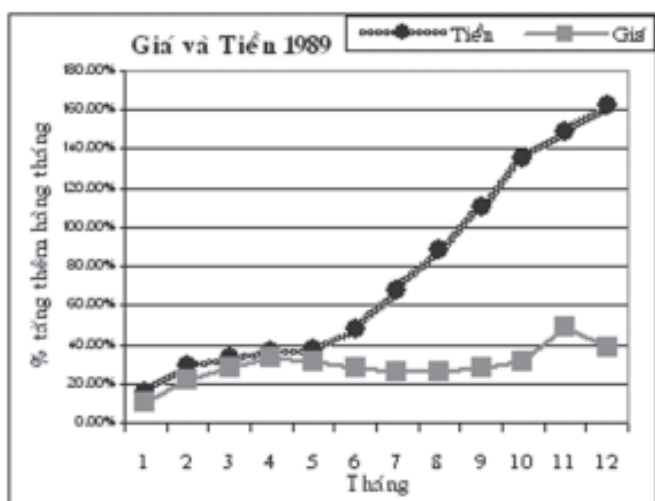
Từ thắng lợi kéo chỉ số giá cả xuống còn 1/3 so với nửa đầu năm 1988, Ngân hàng đã trình lên Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng (nay là Thủ Tướng Chính phủ), cần đưa tiền thêm ra lưu thông với điều kiện phải nâng lãi suất lên cao hơn tỷ lệ lạm phát theo công thức:

Lãi suất thực = lãi suất danh nghĩa - tỷ lệ lạm phát.

Trong phương án cụ thể, mức lãi suất danh nghĩa là 9%/tháng với lãi suất thực là 1% cộng với tỷ lệ lạm phát là 8% theo chỉ số giá nửa cuối năm 1988.

Nhưng vì có ý kiến phải lướt trên ngọn sóng, chọn mức lãi suất 14%/tháng cho tác động chống lạm phát phi mã của lãi suất mạnh hơn, nên lãi suất Ngân hàng Trung ương phải công bố là 12%/tháng, mặc dù chỉ số giá cả tháng 4 chỉ còn 4,3% và tháng 5 và 6 chỉ số giá âm, biểu lộ thiếu phát như sau:

Biểu đồ 2. Chấn dứt lạm phát phi mã trong 4 tháng đầu năm 1989



Rõ ràng theo cách kiểm chứng thực tế từ lịch sử tiền tệ nước ta sẽ cho thấy lạm phát phi mã xảy ra như thế nào từ sự vi phạm quy luật lưu thông tiền tệ và hiểu kỹ các giải pháp chấm dứt lạm phát phi mã ra sao. Kiểm chứng thực tế như vậy còn làm cho kinh tế học không bị kém xa khoa học tự nhiên về độ chính xác.

Lãi suất tiền gửi cao như vậy nên đã thu hút cực mạnh người dân gửi tiền tiết kiệm đến mức các ngân hàng cho vay không hết và chuyển từ bội chi tiền mặt liên miên mấy năm trước sang bội thu tiền mặt, hàng ngày phải đem tiền lên NHNN nộp làm NHNN cũng bội thu tiền mặt.

Thành tựu chấm dứt hẳn lạm phát phi mã trong nửa đầu năm 1989 giúp ta nhận thức rõ công thức về quy luật lưu thông tiền tệ $Md = PQ/V$ (trong đó Md là: khối tiền cần cho lưu thông; P: giá cả; Q: khối hàng hóa dịch vụ đưa ra lưu thông; V: tốc độ lưu thông tiền tệ) của Mác là cụ thể và ứng dụng có hiệu quả nhất trong số khá nhiều công thức khác về quy luật này (công thức về quy luật lưu thông tiền tệ của Fisher $MV = PQ$ cũng tương tự). Năm đó, chủ trương mở cửa biên giới cho hàng hóa thông thương, nên hàng nhập tràn ngập lưu thông, tạo ra hàng dẫy phở dẫy áp hàng hóa mọc ra như nấm sau cơn mưa. Trước đó, các tủ hàng ở các cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán đều rỗng không và phải xếp hàng dài để mua hàng. Theo quy luật lưu thông tiền tệ: $Md = PQ/V$, hàng hóa và dịch vụ - Q - tăng thì tiền thực tế lưu thông - Ms -, có thể tăng thêm cao hơn Md một chút mà chỉ số giá cả lại được kéo xuống.

Luận điểm của Mác về tiền tệ làm chức năng phương tiện tích trữ với câu viết hình tượng là:

“Những kho chứa tiền tích trữ vừa dùng làm kênh tiêu thủy và kênh dẫn thủy cho những kênh lưu thông không khi nào bị tràn cả”⁽³⁾, giúp ta có thể lý giải được hiện tượng tiền tệ năm 1989. Năm 1989, các nhà buôn mua vàng tích trữ trong dân, vốn nằm ngoài lưu thông, đem ra nước ngoài nhập hàng về, nên gần như toàn bộ hàng nhập về đã làm tăng PQ lên gấp đôi, kéo theo Md, khối tiền cần cho lưu thông, tăng khoảng gấp đôi. Ms, khối tiền thực sự lưu thông, bằng 262% so với năm 1988, chỉ làm đồng tiền mất giá có 34,6% tương tự theo công thức tính tiền giấy mất giá của Mác là:

Mức mất giá của tiền giấy = Md / Ms .

Tính cụ thể là: $200\%/262\% = 76\%$ (tương tự như 34,6%).

Trong giảng dạy về lý luận tiền tệ hiện nay ở một số trường Đại học, các luận điểm tuyệt vời này của Mác đã không được trình bày đi sâu vào để sinh viên hiểu rõ, mà chỉ rập khuôn theo trường phái “lạm phát giá cả” với định nghĩa: “lạm phát xảy ra khi mức giá chung tăng lên”⁽⁴⁾. Trường phái này cho rằng có cả lạm phát vàng khi châu Âu tiêu tiền vàng vào thế kỷ XVI mà giá cả chung lại tăng khoảng 4 lần, vì lập luận của định nghĩa trên: cứ giá tăng là lạm phát. Rõ ràng là các giáo trình viết theo trường phái này đã không kiểm nghiệm trong thực tế.

Trường phái “lạm phát giá cả” còn suy luận ra loại lạm phát cầu kéo với định nghĩa là: “**Lạm phát cầu kéo** diễn ra khi tổng cầu tăng nhanh hơn tiềm năng sản xuất của một nước, kéo giá tăng lên để làm cân bằng tổng cung và tổng cầu”⁽⁵⁾. Năm 1988, tổng cầu ở nước ta không hề bị ép phải giảm xuống mà còn tăng vọt, chứng tỏ lý thuyết về lạm phát của trường phái “lạm phát giá cả” là còn nhiều nghi vấn khoa học.

Định nghĩa về lạm phát chi phí đẩy: “lạm phát xảy ra do chi phí tăng lên trong những giai đoạn thất nghiệp cao và mức huy động nguồn lực yếu ớt được gọi là **lạm phát chi phí đẩy**”⁽⁶⁾ còn nguy hiểm hơn vì nó khẳng định quá chủ quan rằng nguyên nhân gây ra lạm phát này là do chi phí sản xuất tăng lên. Vì thế khi tổng thống Mỹ năm 1982, thắt chặt tiền tệ từ 9,4% xuống còn 4,9% và nâng lãi suất lên tới 20%/năm với mong muốn hạ chi phí sản xuất, theo trường phái “lạm phát giá cả”, nước Mỹ đã hứng trọn cuộc suy thoái mà chính Samuelson đặt tên là “suy thoái rợn tóc gáy” với GDP âm (-2,03%). Vay mượn giải pháp kiềm chế lạm phát tiền tệ để chữa lạm phát chi phí đẩy, đã gây ra phá sản cho 25 ngàn doanh nghiệp

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM ĐỒNG HÀNH CÙNG NÔNG DÂN VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TS. Hồ Phúc Nguyên

Mỹ và 10 triệu người thất nghiệp (10% lực lượng lao động)⁽⁷⁾. Điều kỳ lạ là chính Samuelson cũng đã ghi lại ở trang 441 tỷ lệ thất nghiệp 9,7% năm 1982 và 9,6% năm 1983, nhưng không hề kiểm chứng từ thực tế tiền tệ ở Mỹ thời kỳ làm đúng lý thuyết ông ta đưa ra. May mà Chính phủ và NHNN không theo trường phái “lạm phát giá cả” để nâng lãi suất với mong muốn hạ chi phí sản xuất thay cho doanh nghiệp, nên vẫn nâng cao được mức tăng trưởng lên 7.7% và không làm phá sản hàng loạt doanh nghiệp như Mỹ năm 1982. Nhưng không ít người vẫn không nhận biết sai lầm của trường phái lạm phát giá cả nên đã cho rằng lạm phát hiện nay của ta là lạm phát chi phí đẩy. Thật là nguy hiểm ■

Chú thích:

(1) “Việt Nam đã đạt được những thành tích đáng kinh ngạc” ở trang 35 cuốn *Việt Nam cải cách kinh tế theo hướng rộng bay*, Viện Phát triển Quốc tế Havard, NXB Chính Trị Quốc Gia 1994 và “Việt Nam đã có tiến bộ đáng khâm phục” trang 6 cuốn *Việt Nam quá độ sang kinh tế thị trường*, Ngân hàng thế giới xuất bản tháng 9-1993.

(2) Bài báo “TÌM HIỆU VÀ VẬN DỤNG HỆ THỐNG QUY LUẬT LƯU THÔNG TIỀN TỆ CỦA MÁC” trên Tạp chí Nghiên Cứu Kinh tế tháng 6-1990 của Vũ Ngọc Nhung.

(3) *Các Mác, TƯ BẢN, Phê phán khoa kinh tế chính trị*, NXB Sự Thật Hà Nội năm 1959, trang 187.

(4) Paul A. Samuelson, *Kinh tế học, tập II*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 1997, trang 391.

(5) Sách vừa dẫn trên, trang 410 và 411.

(6),(7) Frederic S. Mishkin, *Tiền tệ, Ngân hàng & thị trường Tài chính*, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội 1994 trang 29.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (NHNo&PTNT VN) được thành lập ngày 26/3/1988 và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam. Sau 17 năm xây dựng và trưởng thành, hoạt động của NHNo&PTNT VN không ngừng phát triển đi lên và đã trở thành một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu ở Việt Nam. Đến cuối năm 2004, tổng vốn huy động đạt được 159.000 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay các thành phần kinh tế đạt: 142.000 tỷ đồng, trong đó có 77 dự án nước ngoài với tổng số vốn 2,8 tỷ USD; có quan hệ đại lý với 840 chi nhánh ngân hàng ở 110 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hiện NHNo&PTNT VN có hơn 1.800 điểm giao dịch, gần 3 vạn cán bộ công nhân viên; có lượng khách hàng khá lớn với 9 triệu hộ sản xuất, gần 20.000 doanh nghiệp (cả doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp vừa và nhỏ). Với 8 Công ty con trực thuộc đều kinh doanh có lãi và NHNo&PTNT VN đang chuẩn bị trình Nhà nước trở thành một tập đoàn tài chính ở VN.

Do có những thành tích xứng đáng trong thời kỳ đổi mới, tháng 6/2003, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” cho NHNo&PTNT VN và được ngân hàng thế giới đánh giá là một định chế tài chính hàng đầu xét trên hai khía cạnh thực hiện với chi phí thấp nhất và khả năng tiếp cận doanh nghiệp vừa và nhỏ

NHNo&PTNT Việt Nam (*)

và kinh tế hộ cao nhất.

Làm được điều đó, thời gian qua NHNo&PTNT VN đã không ngừng đổi mới, luôn bám sát chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước từ việc thực hiện tốt QĐ 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn, cụ thể là cho vay hộ sản xuất đến 10 triệu đồng không phải thế chấp tài sản, các doanh nghiệp nhà nước xuất khẩu gạo, nhập phân bón, các hợp tác xã được dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm đảm bảo tiền vay. Thời hạn cho vay phù hợp với chu kỳ sinh trưởng của cây trồng vật nuôi, thời gian luân chuyển hàng hóa, khấu hao tài sản. Qua 6 năm thực hiện QĐ của Chính phủ và cùng với các ban ngành đoàn thể, NHNo&PTNT VN đã tích cực khai thác mọi nguồn vốn, mở rộng đầu tư phát triển nông nghiệp - nông thôn và nông dân với mức tăng trưởng bình quân khá cao thể hiện:

-Nguồn tăng từ năm 1999 đến 31/12/2004 gấp 4,5 lần.

-Dư nợ hộ sản xuất từ năm 1999 đến 31/12/2004 gấp 4,4 lần.

Số hộ nông dân có quan hệ tín dụng với NHNo&PTNT VN lên đến 9 triệu hộ với mức dư nợ bình quân 9 triệu đồng.

Thật vậy, hệ thống mạng lưới NHNo&PTNT VN gồm hơn 1.800 chi nhánh khắp trên mọi miền đất nước, đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, các tổ